TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/11/2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Nguyễn Thành Thái

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Kiều Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 05 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2024/QĐST- HNGĐ, ngày 04 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2024 và Thông báo mở lại phiên tòa số 217/2024/TB- TA ngày 21 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc Nh**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp S, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Chị Nh có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **Hà Mỹ Đ,** sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp S, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 14/5/2023, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Nh trình bày:***

Nguyên vào năm 2018 chị và anh Đ có chung sống với nhau, hai bên có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Qua thời gian chung sống anh chị không có con chung. Thời gian đầu vợ chồng

chung sống rất hạnh phúc, đến năm 2021 sống giữa anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi không hợp nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Từ đó dẫn đến hai bên không có tiếng nói chung, sống không có hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên trong quá trình gải quyết và tại phiên tòa chị Nh khởi kiện và yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Hà Mỹ Đ.

Về quan hệ con chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tải sản chung: Tự thỏa thuận, không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Nh cam kết không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* ***Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hà Mỹ Đ trình bày*:**

Vợ anh là Nguyễn Thị Ngọc Nh trình bày về hôn nhân, tài sản chung và nợ chung là đúng, vào năm 2018 vợ chồng anh chung sống với nhau, hai bên có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống anh chị không có con chung. Trong thời gian chung sống giữa hai anh chị thường xuyên cự cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Từ đó dẫn đến hai bên không có tiếng nói chung, cuộc sống không còn hạnh phúc. Nay vợ anh khởi kiện xin ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với vợ là Nguyễn Thị Ngọc Nh.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phần tài sản chung: Anh và chị Nh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Đ cam kết không có, không yêu cầu Toà giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc Nh khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Hà Mỹ Đ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "*Tranh chấp xin ly hôn*", bị đơn có nơi cư trú tại ấp S, xã V, huyện C nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Hà Mỹ Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc Nh đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Nh và anh Hà Mỹ Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó đến năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh chị đã ly thân với nhau cho đến nay. Xét thấy trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Ngọc Nh và anh Hà Mỹ Đ có điều kiện để thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nhưng anh, chị không thực hiện nên đã vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*...".

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết không công nhận chị Nh và anh Đ là vợ chồng là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nh và anh Đ đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nh và anh Đ đều xác nhận tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Nh và anh Đ cam kết không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Nh phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Nh và anh Hà Mỹ Đ.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc Nh và anh Hà Mỹ Đ xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Nh và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nh và anh Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét .

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc Nh phải nộp số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005572 ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; chị Nh không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ánh Tuyết